TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HỒI** **TỈNH KON TUM** Bản án số: 03/2018/KDTM-ST Ngày 16/11/2018 V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Bá Khen.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Văn Đông.

2. Bà Hoàng Thị Hòa.

***- Thư ký Toà phiên toà*:** Ông Trần Minh Quang là thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Khanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2018/TLST - KDTM ngày 24 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST - DS ngày 16 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2018/ QĐST - DS ngày 31 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N - Chi nhánh huyện N, tỉnh K; Người đại diện theo pháp luật ông Trịnh Ngọc K - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên; Người đại diện theo ủy quyền ông Thái Văn H - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh huyện Ngọc H; địa chỉ: Số 04 đường T, thị trấn P, huyện N, tỉnh K, văn bản ủy quyền thường xuyên số: 510/QĐ - HĐTV - PV ngày 19/6/2014. Có mặt.

2. Đồng bị đơn: Ông Lê Văn M, bà Đinh Thị C; cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh K. Cả hai có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Công C và bà Đinh Thị L; cùng địa chỉ: Tổ 2, phường N, thành phố K, tỉnh K. (ông C vắng mặt; Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng N - Chi nhánh huyện N trình bày:

Ngày 15/8/2016 ông (bà) Lê Văn M, Đinh Thị C ký hợp đồng tín dụng số 5103LA2016022958 với Ngân hàng N - Chi nhánh huyện N nội dung:

- Số tiền vay: 1.950.000.000đ (Một tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng).
- Số tiền giải ngân: 1.950.000.000đ (Một tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng).
- Mục đích vay vốn: Kinh doanh mua bán phân bón.
- Thời hạn cho vay: 12 tháng (từ ngày 15/8/2016 đến ngày 15/8/2017).
- Lãi suất cho vay: 7,0%/năm.
- Thời hạn trả lãi: 06 tháng/lần.

Khi đến kỳ hạn trả nợ, nếu bên B không trả nợ đúng hạn gốc hoặc lãi và không được chấp thuận cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì bên A sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ của hợp đồng tín dụng sang nợ quá hạn và bên B phải chịu lãi suất quá hạn số tiền thực tế quá hạn.

Để đảm bảo khoản vay ông Lê Văn M và bà Đinh Thị C đã thế chấp tài sản:

+ Quyền sử dụng đất số BK 082858, thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33, diện tích 193,8 m^2, cùng tài sản gắn liền trên đất được Ủy ban nhân dân thành phố K, tỉnh Kcấp ngày 19/11/2012, địa chỉ thửa đất: Số 19 N, tổ 2, phường N, thành phố K, tỉnh K. Chủ hộ ông Phạm Công C, vay số tiền là 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng).

+ Quyền sử dụng đất số BT 212013, thửa đất số 31, tờ bản đồ số 116 diện tích 2.836,7 m^2, địa chỉ thửa đất: thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh K. Chủ hộ ông Lê Văn M, bà Đinh Thị C, vay số tiền là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Ngày 19/4/2017 ông Lê Văn M, bà Đinh Thị C trả nợ cho Ngân hàng xong số tiền gốc và tiền lãi phát sinh của khoản vay 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) cho Ngân hàng và rút tài sản thế chấp của khoản vay này.

Ngày 16/8/2017 Ngân hàng đã thông báo cho ông Lê Văn M, bà Đinh Thị C hợp đồng vay số 5103LA2016 022958 đã chuyển sang nợ quá hạn. Trong đó số tiền gốc là 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng); Số tiền lãi là 39.005.556đ (Ba mươi chín triệu không trăm không năm nghìn năm trăm năm mươi sáu đồng).

Để đảm bảo quyền lợi của bên cho vay, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bên vay vốn là ông Lê Văn M, bà Đinh Thị C thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay với tổng số tiền tính đến ngày 16/11/2018 là 1.965.766.667đ (Một tỷ chín trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Trong đó tiền nợ

gốc là 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng); Tiền lãi là 38.675.000đ (Ba mươi tám triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); Tiền lãi phạt là 227.091.667đ (Hai trăm hai mươi bảy triệu không trăm chín mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) và lãi phát sinh sau ngày 16/11/2018 theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp ông Lê Văn M, bà Đinh Thị C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ, thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số BK 082858, thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33, diện tích 193,8m^2 cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên thửa đất tại số 19 N, tổ 2, phường N, thành phố K, tỉnh K, mang tên hộ ông Phạm Công C để thu hồi nợ.

- Đồng bị đơn ông Lê Văn M, bà Đinh Thị C trình bày: Ông, bà công nhận có vay của Chi nhánh Ngân hàng N, huyện N theo hợp đồng tín dụng số 5103LA2016022958 ngày 15/8/2016 tổng số tiền là 1.950.000.000đ (Một tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng), trong đó:

+ Khoản vay 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và thế chấp Quyền sử dụng đất số BT 212013, thửa đất số 31, tờ bản đồ số 116 diện tích 2.836,7 m^2, địa chỉ thửa đất: thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh K, đất mang tên hộ ông Lê Văn M, bà Đinh Thị C, đã trả nợ xong toàn bộ tiền gốc và lãi vào ngày19/4/2017 và đã rút tài sản thế chấp khoản vay này.

+ Khoản vay 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng) thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất số BK 082858, thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33, diện tích 193,8m^2 cùng toàn bộ tài sản trên đất tại số 19 N, tổ 2, phường N, thành phố K, tỉnh K, được Ủy ban nhân dân thành phố K, tỉnh K cấp cho hộ ông Phạm Công C ngày 19/11/2012. Ngày 16/8/2017 khoản vay 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng) đã chuyển sang nợ quá hạn. Ông (bà) cho rằng khoản vay này ông (bà) là người đứng ra ký vay với Ngân hàng nhưng ông Phạm Công C là người nhận số tiền vay. Nay ông Phạm Công C không có mặt tại nơi cư trú nên không thực hiện được nghĩa vụ tài sản bảo đảm cho Ngân hàng. Ông, bà yêu cầu xử lý toàn bộ tài sản thế chấp mang tên hộ ông Phạm Công C để trả nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị L trình bày: Chị và ông Phạm Công C đã ly hôn với nhau. Ông C nhờ bác ruột của chị là ông Lê Văn M và bà Đinh Thị C thế chấp quyền sử dụng đất số BK 082858, thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33, diện tích 193,8 m^2 cùng toàn bộ tài sản trên đất tại số 19 N, tổ 2, phường N, thành phố K, tỉnh K mang tên ông C tại chi nhánh Ngân hàng N, huyện N để vay số tiền 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng), chị không có liên quan gì đến

khoản vay này, vì tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay là tài sản riêng của ông Ch, nay ông C không có mặt tại nơi cư trú và số tiền vay đã chuyển sang nợ quá hạn, chị yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp mang tên ông C để trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, nội dung tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng, thủ tục giải quyết, thời hạn giải quyết đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Chi nhánh Ngân hàng N, huyện N, buộc ông Lê Văn M, bà Đinh Thị C phải trả cho Chi nhánh Ngân hàng N, huyện N tổng số tiền tính đến ngày 16/11/2018 là 1.965.766.667 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ và các khoản chi phí tố tụng khác. Nếu ông M, bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng N – Chi nhánh huyện N khởi kiện ông Lê Văn M, bà Đinh Thị C yêu cầu trả khoản vay còn nợ. Căn cứ Điều 3, Điều 7 của hợp đồng tín dụng, khi đến kỳ hạn trả nợ, nếu bên B không trả nợ đúng hạn gốc và lãi và không được chấp thuận cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì bên cho vay sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ của hợp đồng tín dụng sang nợ quá hạn và bên B phải chịu lãi suất phạt qúa hạn toàn bộ dư nợ của hợp đồng tín dụng. Khi đến hạn mà khách hàng không trả nợ, thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản bảo đảm tài sản vốn vay theo sự thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ. Do ông M, bà C vi phạm cam kết trả nợ. Căn cứ Điều 35, Điều 186 của Bộ luật tố tụng dân sự, Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo luật định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Vụ việc Tranh chấp giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với cá nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, vì vậy quan hệ pháp luật có tranh chấp được xác định theo quy định tại Điều 30 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Quá trình tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Phạm Công C vắng mặt nhưng được Tòa án niêm yết công khai, thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú theo quy định. Căn cứ

Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Phạm Công C và bà Đinh Thị L.

[3] Về nội dung tranh chấp:

- Xét hợp đồng tín dụng (hợp đồng chính): Ông Lê Văn M, bà Đinh Thị C và Chi nhánh Ngân hàng N, huyện N đều thừa nhận: Ngày 15/8/2016 ông (bà) có ký kết hợp đồng tín dụng số 5103LA201602958 và nhận nợ với Ngân hàng số tiền vay là 1.950.000.000đ (Một tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng); Mục đích vay vốn: Mua bán phân bón; Thời hạn cho vay: 12 tháng (từ ngày 15/8/2016 đến ngày 15/8/2017); Lãi suất cho vay: 7,0%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận; Thời hạn trả lãi: 06 tháng/lần; Ngày đến hạn trả nợ 16/8/2017. Hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức của hợp đồng, căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng tín dụng được lập giữa ông Lê Văn M, bà Đinh Thị C và Chi nhánh Ngân hàng N,huyện N là có thật và hợp pháp.

- Xét hợp đồng thế chấp tài sản (hợp đồng phụ): Tài sản thế chấp là:

+ Quyền sử dụng đất số BT 212013, thửa đất số 31, tờ bản đồ số 116, diện tích 2.836,7 m^2, tại thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh K, đất mang tên hộ ông (bà) Lê Văn M, Đinh Thị C để vay số tiền là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), ngày19/4/2017 ông M, bà C đã trả nợ xong toàn bộ tiền gốc và lãi cho Ngân hàng và đã rút tài sản thế chấp khoản vay này và được Ngân hàng chấp nhận nên Hội đồng xét xử không đề cập.

+ Quyền sử dụng đất số BK 082858, thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33, diện tích 193,8 m^2 cùng toàn bộ tài sản trên thửa đất tại số 19 N, tổ 2, phường N, thành phố K, tỉnh K, được Ủy ban nhân dân thành phố K cấp ngày 19/11/2012 mang tên hộ ông Phạm Công C, thế chấp tại hợp đồng số: 5103LCL201500900/HĐTC ngày 10/7/2015, đăng ký thế chấp và được công chứng cùng ngày 10/7/2015 để vay số tiền là 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng).

Để đảm bảo khoản vay 1,7 tỷ đồng cho ông Lê Văn M và bà Đinh Thị C, ông Phạm Công C đã đồng ý thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất số BK 082858, thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33, diện tích 193,8 m^2 cùng toàn bộ tài sản trên thửa đất tại số 19 N, tổ 2, phường N, thành phố K, tỉnh K, do Ủy ban nhân dân thành phố K cấp ngày 19/11/2012 mang tên hộ ông Phạm Công C theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 5103LCL201500900/HĐTC ngày 10/7/2015 và được ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện được chủ sở hữu tài sản đồng ý thế chấp, đăng ký thế chấp và công chứng đúng quy định, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức, căn cứ Điều 342; 343; 347; 355 của Bộ luật dân sự năm 2005, công nhận hợp đồng thế chấp tài sản nói trên giữa các bên là hợp pháp.

Về số tiền vay: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 5103LA201602958 ngày 15/8/2016 ông Lê Văn M, bà Đinh Thị C nhận nợ với Ngân hàng số tiền 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng), Lãi suất cho vay: 7,0%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận, Thời hạn trả lãi: 06 tháng/lần; Ngày đến hạn trả nợ 16/8/2017, do ông M, bà C vi phạm cam kết trả nợ nên khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 16/11/2018, số dư nợ còn lại quá hạn của hợp đồng là 1.965.766.667đ (Một tỷ chín trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng); Tiền lãi là 38.675.000đ (Ba mươi tám triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); Tiền lãi phạt là 227.091.667đ (Hai trăm hai mươi bảy triệu không trăm chín mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Số tiền vay này ông Phạm Công C bảo lãnh tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 19 N, tổ 2, phường N, thành phố K, tỉnh K cho ông Lê Văn M, bà Đinh Thị C vay 1,7 tỷ đồng, với mục đích vay chi phí kinh doanh phân bón, nhưng ông M, bà C lại sử dụng khoản vay này cho ông C sử dụng vào mục đích khác, tuy nhiên việc ông M, bà C sử dụng nguồn vốn vay không đúng mục đích không ảnh hưởng đến hiệu lực của hợp đồng và phụ lục hợp đồng, đây là vấn đề nội bộ của các bên, còn về nghĩa vụ thì ông M, bà C phải chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 16/11/2018 là 1.965.766.667đ (Một tỷ chín trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) cho Ngân hàng. Trong đó tiền nợ gốc là 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng); Tiền lãi là 38.675.000đ (Ba mươi tám triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); Tiền lãi phạt là 227.091.667đ (Hai trăm hai mươi bảy triệu không trăm chín mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ.

Về xử lý tài sản thế chấp: Ông Phạm Công C đã đồng ý cho ông Lê Văn M, bà Đinh Thị C thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất số BK 082858, thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33, diện tích 193,8 m^2 cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên thửa đất tại số 19 N, tổ 2, phường N, thành phố K, tỉnh K, được Ủy ban nhân dân thành phố K cấp ngày 19/11/2012 mang tên hộ ông Phạm Công C, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 5103LCL201500900/HĐTC và định giá tài sản bảo đảm số 5103LCL201500888/BBXĐ ngày 10/7/2015 và được công chứng đúng quy định. Do đó, nếu ông Lê Văn M, bà Đinh Thị C không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 15/5/2018 và yêu cầu bổ sung ngày

16/11/2018 về việc đòi bị đơn phải trả tổng số tiền nợ tính đến ngày 16/11/2018 là 1.965.766.667đ (Một tỷ chín trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng); Tiền lãi là 38.675.000đ (Ba mươi tám triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); Tiền lãi phạt là 227.091.667đ (Hai trăm hai mươi bảy triệu không trăm chín mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ, theo quy định tại Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 30, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nên bị đơn phải chịu chi phí tố tụng đăng tin trên báo, đài là 2.850.000 đồng và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng. Buộc ông M, bà C trả lại cho Ngân hàng khoản chi phí tạm ứng đã nộp nêu trên.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Văn M và bà Đinh Thị C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh N, huyện N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 30, 35, 186; 144; 147; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 342; 343; 347; 355; 471; 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử như sau:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng N – Chi nhánh huyên N, tỉnh K đề ngày 15/5/2018 và yêu cầu bổ sung ngày 16/11/2018.

Buộc ông Lê Văn M và bà Đinh Thị C trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện N, tỉnh K tổng số tiền vay còn nợ tính đến ngày 16/11/2018 là 1.965.766.667đ (Một tỷ chín trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng); Tiền lãi là 38.675.000đ (Ba mươi tám triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); Tiền lãi phạt là 227.091.667đ (Hai trăm hai mươi bảy triệu không trăm chín mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày 17/11/2018 ông Lê Văn M và bà Đinh Thị C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết tiền nợ gốc cho Ngân hàng.

Trường hợp, ông Lê Văn M và bà Đinh Thị C không trả khoản nợ vay cho

Chi nhánh Ngân hàng N thì Chi nhánh Ngân hàng N có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất số BK 082858, thửa đất số106, tờ bản đồ số 33, diện tích 193,8 m^2 cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại số 19 N, tổ 2, phường N, thành phố K, tỉnh K, được Ủy ban nhân dân thành phố K cấp ngày 19/11/2012 mang tên hộ ông Phạm Công C để thu hồi nợ.

Về các khoản chi phí tố tụng: Buộc ông Lê Văn M và bà Đinh Thị C phải trả cho Chi nhánh Ngân hàng N tổng số tiền chi phí tố tụng là 3.850.000đ (Ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng); Trong đó: Tiền đăng báo, đài là 2.850.000 đồng và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng.

Về án phí: Ông Lê Văn M và bà Đinh Thị C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 70.973.000đ (Bảy mươi triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện N, tỉnh K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 34.110.562đ (Ba Mươi tư triệu một trăm mười nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng) theo biên lai số: AA/2014/0001985 ngày 22/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 16/11/2018.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hồi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Bá Khen